

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **121/2025/DS-ST**

Ngày: 28-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G– TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thuý.

2. Ông Nguyễn Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt Quang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Lương Bá Xanh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2025/QĐXXST-**DS** ngày 13 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đồng bị đơn: Chị Lê Thị Thảo M, sinh năm 1987 và anh Bùi Quang P, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp 7, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Bùi Thị Xuân N, sinh năm 2007; địa chỉ: Ấp 7, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Bùi Thị Xuân N: Chị Lê Thị Thảo M, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp 7, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/02/2025, Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày:

Vào ngày 19/12/2024, chị Lê Thị Thảo M có mượn của bà số tiền 600.000.000 đồng. Hai bên có lập giấy nợ, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay từ ngày 19/12/2024 đến 19/01/2025, mục đích vay tiền để làm ăn lo cho gia đình; giấy nợ do chị M ký và viết tên, có con gái của chị M là Bùi Xuân N cùng ký tên xác nhận. Khi đến hạn trả nợ, bà H nhiều lần đến nhà yêu cầu chị M và anh P có nghĩa vụ trả nợ cho bà nhưng chị M, anh P khất hẹn mà không thực hiện nên bà khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị Thảo M và anh Bùi Quang P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 600.000.000 và tiền lãi 1,5% tháng, tính từ ngày 20/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/5/2025.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị Lê Thị Thảo M và anh Bùi Quang P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất 10% năm, tương đương 0,83%/tháng, tính từ ngày 19/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/5/2025 là 5 tháng 09 ngày, thành tiền là 26.394.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị Lê Thị Thảo M trình bày: Chị thừa nhận vào ngày ngày 19/12/2024, chị có viết giấy nợ và ký tên trong giấy nợ nội dung vay bà H 600.000.000 đồng. Quá trình vay mượn giữa chị và bà H diễn ra từ năm 2021 đến 2024, vay nhiều lần, tiền gốc cộng dồn vào tiền lãi. Giấy nợ lập ngày 19/12/2024 số tiền 600.000.00 đồng bao gồm tiền gốc 100.000.000 đồng cộng với tiền lãi 500.000.000 đồng. Chị thống nhất số nợ 600.000.000 đồng mà bà H khởi kiện, nhưng do khó khăn nên chị xin trả dần tiền gốc và xin giảm lãi. Việc vay mượn tiền giữa chị với bà H thì anh P không biết. Chị M không có yêu cầu phản tố.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Bùi Quang P trình bày:* Anh là chồng của chị Lê Thị Thảo M. Việc chị M vay số tiền 600.000.000 đồng của bà H thì anh hoàn toàn không biết; con gái anh là Bùi Thị Xuân N ký bảo lãnh nợ cho chị M, anh cũng không biết. Nay bà H yêu cầu anh cùng chị M có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 600.000.000 đồng, anh không đồng ý.

Biên bản ghi lời khai ngày 21/4/2025 và tại phiên toà cháu Bùi Xuân N trình bày: Cháu N xác định, có ký và viết tên trong giấy mượn tiền ngày 19/12/2014. Nội dung trong giấy nợ là do bà H viết mẫu ra tờ giấy A4 rồi kêu cháu N viết lại, mục đích xác nhận số nợ 600.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân huyện G phát biểu quan điểm về vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; Những người tham gia tố tụng đều

thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình .

+ Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với chị Lê Thị Thảo M và anh Bùi Quang P về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Buộc chị Lê Thị Thảo M và anh Bùi Quang P liên đới trả cho bà Võ Thị H số tiền 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nêu cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà H có yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với chị M và P cư trú tại: Ấp 7, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà H vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2]. Về nội dung: Bà H khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị Thảo M và anh Bùi Quang P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị H số tiền 600.000.000 đồng và tiền lãi suất 0,83/tháng, tính từ ngày vay tiền 19/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/5/2025.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ, tài liệu giấy vay tiền nguyên đơn bà H cung cấp, xét thấy: Giấy mượn tiền ngày 19/12/2024 (bút lục 35), có chữ ký, viết tên của chị Lê Thị Thảo M và con gái chị M là Bùi Xuân N cùng ký xác nhận. Nội dung vay số tiền 600.000.000 đồng, mục đích chị M vay làm ăn lo cho gia đình. Chị M cho rằng: Giấy mượn tiền ngày 19/12/2024, số tiền 600.000.000 đồng là bao gồm tiền gốc 100.000.000 đồng cộng dồn lãi 500.000.000 đồng nhưng chị không đưa ra chứng cứ chứng minh cho lời trình bày; hơn nữa giấy mượn nợ không thể hiện nội dung tiền gốc cộng dồn tiền lãi. Tại thời điểm viết giấy vay tiền các bên có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, việc vay và cho vay đều hoàn toàn tự nguyện và được lập thành Văn bản. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc bà H khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P khai anh hoàn toàn không biết việc vay mượn tiền của chị M với bà H nên anh không đồng ý cùng chị M trả số nợ 600.000.000 đồng cho bà H. Tuy nhiên, anh không đưa ra được chứng cứ chứng

minh cho lời trình bày. Mặt khác, tại giấy mượn tiền chị M ghi rõ nội dung mục đích mượn tiền để làm ăn lo cho gia đình. Chị M và anh P là vợ chồng có đăng ký kết hôn, hiện tại vẫn còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Việc vay mượn phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản sau “..... Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu gia đình”. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu anh P, chị M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 600.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi suất: Lãi suất vay các bên thỏa thuận ghi trong giấy mượn tiền là 1,5%/tháng, chị M chưa thanh toán khoản tiền lãi nào cho bà H. Chị M không thừa nhận lãi suất 1,5%/tháng. Vì vậy, được xác định là các bên có tranh chấp về lãi suất. Do đó, bà H yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày vay là 19/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/5/2025 là: $600.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 5 \text{ tháng} 09 \text{ ngày} = 26.394.000 \text{ đồng}$ là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H đối với chị M, anh P về việc yêu cầu chị M, anh P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H **tổng số tiền** 626.394.000 đồng gồm nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi là 26.394.000 đồng.

[4] **Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.**

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà H được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên chị M, anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $20.000.000 \text{ đồng} + [4\% \times (626.394.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng})] = 29.055.760 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với chị Lê Thị Thảo M và anh Bùi Quang P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Lê Thị Thảo M và anh Bùi Quang P có nghĩa vụ liên đới trả cho **bà Võ Thị H tổng số tiền** 626.394.000 đồng; gồm nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi là 26.394.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người bị thi hành án chưa trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn

phải trả cho người được thi hành án tiền lãi do chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Thảo M và anh Bùi Quang P phải chịu 29.055.760 đồng. (Hai mươi chín triệu, không trăm năm mươi năm nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng).

Bà Võ Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.000.000 đồng, theo Biên lai thu số 0010681 ngày 18/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng NV- TAND tỉnh Tây Ninh;

TÒA

- VKSND huyện G

- Chi cục THA G;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ;

- Lưu tập án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Đỗ Ngọc Vinh